

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
MIRAE ASSET (VIỆT NAM)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. HCM, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Số **363** /2024/CV-MASHCM
V/v công bố thông tin điện tử Báo cáo tài
chính bán niên năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Mã chứng khoán:

Địa chỉ trụ sở chính: 3C Tôn Đức Thắng, P.Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3910 2222 Fax: 028 3910 7222

Người thực hiện công bố thông tin: Kang Moon Kyung – Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: 3C Tôn Đức Thắng, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại (cơ quan): 028 3910 2222 Fax: 028 3910 7222

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- **Báo cáo tài chính bán niên năm 2024 và giải trình chênh lệch lợi nhuận**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/8/2024 tại đường dẫn như sau:

<https://www.masvn.com/cate/bao-cao-tai-chinh-11>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Số/No.: 305 /2024/CV-MASHCM
V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế
Ref: Explanation on the difference of 1st half Y2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

TPHCM, ngày 14 tháng 08 năm 2024
HCMC, 14 Aug 2024

Kính gửi/To:

- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước- SSC
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Việt Nam – VNX
- Ủy Ban Giám Sát Tài Chính Quốc Gia-NFSC

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 14, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 thay thế 155/2015/TT-BTC (“TT155”) ngày 06/10/2015 hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“**Công ty**”) xin giải trình như sau:

*According to Clause 4 Article 14 of Circular 96/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 replaces Circular No. 155/2015/TT-BTC dated 6 October 2015 on providing guidelines for information disclosure on securities market, Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (“**Company**”) hereby explains as follows:*

Công ty xin giải trình về chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của báo cáo tài chính soát xét bán niên 2024 so với báo cáo cùng kỳ năm ngoái như sau:

The Company provide explanation for the difference of profit after corporate income tax as mentioned in interim financial statement for the six-month period ended of 30 June 2024 compared with in the same period of the last year as below:

Chỉ tiêu/ Description	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày		Chênh lệch Difference
	30/06/2024 (VND)	30/06/2023 (VND)	
Doanh thu hoạt động/ Revenue	1.274.049.184.257	1.169.236.134.370	
Chi phí hoạt động/ Operating expenses	(780.515.677.418)	(761.220.854.036)	
Chi phí quản lý/General and Administration expenses	(102.605.302.568)	(61.512.229.364)	
Lãi/lỗ từ hoạt động khác/Other income and expenses	185.034.190	127.556.661	
Lợi nhuận trước thuế/Profit before tax	391.113.238.461	346.630.607.631	
Thuế TNDN / Income Tax expenses	(78.686.365.005)	(82.172.860.797)	
Lợi nhuận sau thuế/Profit after tax	312.426.873.456	264.457.746.834	
Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán/Profit (Loss) from revaluation of AFS	24.085.045.182	12.777.609.281	
Lợi nhuận sau thuế và Thu nhập toàn diện khác sau thuế TNDN <i>Profit after tax and other comprehensive profit/(loss) after tax</i>	336.511.918.638	277.235.356.115	21%



Nguyên nhân chủ yếu là từ:
The main reasons is due to:

- Doanh thu của Công ty từ dịch vụ môi giới chứng khoán và doanh thu từ các hoạt động liên quan tăng so với cùng kỳ;
Revenue from securities brokerage commission and related income from financing and receivables increased compared to the same period last year;
- Doanh thu từ đầu tư tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ so với cùng kỳ;
Gain from FVTPL increased compared to the same period last year ;
- Các chỉ tiêu khác không thay đổi đáng kể
Other items changed insignificantly

Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Mirae Asset (Việt Nam) xin báo cáo để Quý cơ quan được biết.
Mirae Asset Securities (Viet Nam) Joint Stock Company informs for your information.

Trân trọng,
Yours faithfully,

Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Mirae Asset (Việt Nam)



Kang Moon Kyung
Tổng Giám đốc/General Director





**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Mirae Asset (Việt Nam)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập
và Hoạt động số**

73/UBCK-GP	ngày 18 tháng 12 năm 2007
121/GP-UBCK	ngày 8 tháng 1 năm 2016
130/GP-UBCK	ngày 24 tháng 11 năm 2021
14/GPĐC-UBCK	ngày 11 tháng 3 năm 2024

Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy phép điều chỉnh do Ủy
Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Kang Moon Kyung	Chủ tịch
Ông Huh Hong Suk	Thành viên
Ông Rhee Jung Ho	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Oh Eun Sang	Trưởng ban (từ ngày 27 tháng 5 năm 2024)
Ông Ko Young Man	Trưởng ban (đến ngày 26 tháng 5 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Thu Vân	Thành viên
Bà Mai Diệu Trúc	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Kang Moon Kyung	Tổng Giám đốc
---------------------	---------------

**Người đại diện
theo pháp luật**

Ông Kang Moon Kyung	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc
---------------------	-----------------------------

Trụ sở đăng ký

Tầng 7, Tòa nhà Le Meridien
3C Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 61 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 210, Thông tư 334 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Tổng Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Ông Kang Moon Kyung
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2024



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 61.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 lần lượt được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 25 tháng 3 năm 2024 và báo cáo soát xét ngày 11 tháng 8 năm 2023.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 24-01-00488-24-1



Hà Vũ Định
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2024-007-1



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2024

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B01a – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	31/12/2023 VND
TÀI SẢN				
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)		21.115.322.430.742	19.639.422.039.208
I	Tài sản tài chính (“TSTC”)		21.054.666.927.465	19.549.444.298.470
1	Tiền và các khoản tương đương tiền		1.930.398.032.221	3.388.477.827.221
1.1	Tiền		575.398.032.221	38.477.827.221
1.2	Các khoản tương đương tiền		1.355.000.000.000	3.350.000.000.000
2	Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)		1.495.121.518.286	408.119.235.111
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”)		650.000.000.000	880.000.000.000
4	Các khoản cho vay		16.746.556.814.089	14.672.891.700.636
5	TSTC sẵn sàng để bán (“AFS”)		312.260.333.552	262.154.027.074
6	Dự phòng suy giảm giá trị TSTC và tài sản thế chấp		(127.288.943.700)	(127.288.943.700)
7	Các khoản phải thu		31.817.928.647	44.047.149.627
7.1	Phải thu từ bán TSTC		1.569.093.000	508.370.000
7.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ TSTC		30.248.835.647	43.538.779.627
7.2.2	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		30.248.835.647	43.538.779.627
8	Trả trước cho người bán ngắn hạn		7.962.507.308	12.224.165.432
9	Phải thu các dịch vụ cung cấp		4.616.790.860	4.628.849.503
12	Các khoản phải thu khác		3.221.946.202	4.190.287.566
II	Tài sản ngắn hạn khác		60.655.503.277	89.977.740.738
1	Tạm ứng		134.205.517	137.773.610
3	Chi phí trả trước ngắn hạn		19.508.917.051	48.827.586.419
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		200.000	200.000
7	Tài sản ngắn hạn khác		41.012.180.709	41.012.180.709

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B01a – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	31/12/2023 VND
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250)	200		352.277.048.320	344.338.714.788
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		250.572.618.000	250.572.618.000
2 Các khoản đầu tư	212		250.572.618.000	250.572.618.000
2.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	212.1	7(b)	250.000.000.000	250.000.000.000
2.4 Đầu tư dài hạn khác	212.4	12	572.618.000	572.618.000
II Tài sản cố định	220		48.923.333.928	42.449.596.192
1 Tài sản cố định hữu hình	221	13	25.327.605.260	23.655.850.595
Nguyên giá	222		63.593.337.058	57.562.914.418
Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(38.265.731.798)	(33.907.063.823)
2 Tài sản cố định vô hình	227	14	23.595.728.668	18.793.745.597
Nguyên giá	228		51.654.043.958	43.283.221.097
Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(28.058.315.290)	(24.489.475.500)
V Tài sản dài hạn khác	250		52.781.096.392	51.316.500.596
1 Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	15	11.980.240.874	11.644.340.874
2 Chi phí trả trước dài hạn	252	10(b)	10.688.843.131	11.879.518.514
4 Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	254	17	20.000.000.000	17.690.764.818
5 Tài sản dài hạn khác	255	18	10.112.012.387	10.101.876.390
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		21.467.599.479.062	19.983.760.753.996

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B01a – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	31/12/2023 VND	
C	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300	11.473.657.272.949	10.286.605.466.521	
I	Nợ phải trả ngắn hạn	310	11.452.942.056.743	10.272.022.307.301	
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	19	11.025.671.000.000	9.718.288.000.000
1.1	<i>Vay ngắn hạn</i>	312		11.025.671.000.000	9.718.288.000.000
8	Phải trả người bán ngắn hạn	320		978.392.542	5.645.786.021
9	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		50.000.000	50.000.000
10	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	20	76.965.629.261	80.528.957.025
12	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		363.377.100	338.152.700
13	Chi phí phải trả ngắn hạn	325	21	151.501.264.199	157.388.987.686
15	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		44.818.182	44.818.182
17	Các khoản phải trả khác ngắn hạn	329	22	197.367.575.459	309.737.605.687
II	Nợ phải trả dài hạn	340		20.715.216.206	14.583.159.220
12	Dự phòng phải trả dài hạn	354		5.884.883.409	5.737.544.736
14	Thuế TNDN hoãn lại phải trả	356	16	14.830.332.797	8.845.614.484
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		9.993.942.206.113	9.697.155.287.475
I	Vốn chủ sở hữu	410		9.993.942.206.113	9.697.155.287.475
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	23	6.590.500.000.000	6.590.500.000.000
1.1	<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	411.1		6.590.500.000.000	6.590.500.000.000
	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411.1a		5.455.500.000.000	5.455.500.000.000
	<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411.1b		1.135.000.000.000	1.135.000.000.000
2	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412		64.029.237.915	39.944.192.733
7	Lợi nhuận chưa phân phối	417		3.339.412.968.198	3.066.711.094.742
7.1	<i>Lợi nhuận đã thực hiện</i>	417.1		3.309.186.393.757	3.069.793.277.084
7.2	<i>Lãi/(lỗ) chưa thực hiện</i>	417.2		30.226.574.441	(3.082.182.342)
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		21.467.599.479.062	19.983.760.753.996

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B01a – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	Mã số	30/6/2024 VND	31/12/2023 VND	
A. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA CÔNG TY				
8	TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“VSD”) của Công ty	008	666.754.830.000	157.016.060.000
9	Chứng khoán đang lưu ký tại VSD và chưa được giao dịch	009	54.160.000	1.680.000
12	TSTC chưa lưu ký tại VSD	012	210.674.949.300	198.462.950.000
13	Tài sản tài chính được hưởng quyền của Công ty	013	940.000	250.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1	TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư	021	35.055.156.042.400	35.642.949.490.000
	<i>a. TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	<i>021.1</i>	<i>32.445.863.762.400</i>	<i>32.787.211.820.000</i>
	<i>b. TSTC hạn chế chuyển nhượng</i>	<i>021.2</i>	<i>382.496.100.000</i>	<i>323.704.780.000</i>
	<i>c. TSTC giao dịch cầm cố</i>	<i>021.3</i>	<i>1.137.576.130.000</i>	<i>1.202.232.030.000</i>
	<i>d. TSTC phong tỏa</i>	<i>021.4</i>	<i>362.667.300.000</i>	<i>362.667.300.000</i>
	<i>e. TSTC chờ thanh toán</i>	<i>021.5</i>	<i>726.552.750.000</i>	<i>967.133.560.000</i>
2	TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của nhà đầu tư	022	125.737.560.000	429.109.770.000
	<i>a. TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	<i>022.1</i>	<i>125.737.560.000</i>	<i>429.109.770.000</i>
6	Tài sản tài chính được hưởng quyền của nhà đầu tư	025	958.294.200.000	210.702.440.000
7	Tiền gửi của nhà đầu tư	026	4.070.112.309.671	4.431.823.846.315
7.1	<i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý</i>	<i>027</i>	<i>2.914.782.707.921</i>	<i>3.285.323.142.515</i>
7.3	<i>Tiền tổng hợp giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư</i>	<i>028</i>	<i>1.155.329.601.750</i>	<i>1.146.500.703.800</i>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B01a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

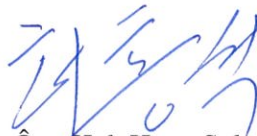
	Mã số	30/6/2024 VND	31/12/2023 VND
8 Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031	4.070.112.309.671	4.431.823.846.315
8.1 Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.1	3.073.097.100.031	3.016.608.325.623
8.2 Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.2	997.015.209.640	1.415.215.520.692

Ngày 13 tháng 8 năm 2024

Người lập:


Bà Cao Thị Bảo Lê
Kế toán trưởng

Người soát xét:


Ông Huh Hong Suk
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:


Ông Kang Moon Kyung
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Báo cáo kết quả hoạt động cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B02a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
I		DOANH THU HOẠT ĐỘNG		
1.1	01	Lãi từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	107.203.403.276	59.936.356.857
	01.1	a. Lãi bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL	72.670.934.823	46.474.225.342
	01.2	b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	34.078.753.293	13.418.379.365
	01.3	c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	453.715.160	43.752.150
1.2	02	Lãi từ các khoản đầu tư HTM	66.319.839.323	175.856.995.842
1.3	03	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	736.650.778.539	677.011.051.478
1.4	04	Lãi từ tài sản tài chính AFS	-	722.551.500
1.6	06	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	342.469.870.938	240.486.144.134
1.8	8	Doanh thu tư vấn nghiệp vụ đầu tư chứng khoán	4.031.938.292	1.294.657.632
1.9	09	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	13.812.943.452	9.591.851.079
1.11	11	Thu nhập hoạt động khác	3.560.410.437	4.336.525.848
	20	Cộng doanh thu hoạt động	1.274.049.184.257	1.169.236.134.370
II		CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		
2.1	21	Lỗ từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	64.874.684.803	32.654.150.974
	21.1	a. Lỗ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL	64.104.688.293	32.647.643.209
	21.2	b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	769.996.510	6.507.765
2.4	24	Chi phí dự phòng các khoản cho vay và phải thu và chi phí đi vay của các khoản cho vay	384.584.242.975	460.393.248.928
2.6	26	Chi phí hoạt động tự doanh	-	5.316.729.173
2.7	27	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	315.686.523.660	252.058.129.971
2.10	30	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	15.369.000.980	10.798.594.990
2.12	33	Chi phí khác	1.225.000	-
	40	Cộng chi phí hoạt động	780.515.677.418	761.220.854.036
VI	62	CHI PHÍ QUẢN LÝ	102.605.302.568	61.512.229.364
VII	70	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 - 40 - 62)	390.928.204.271	346.503.050.970

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo kết quả hoạt động cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B01a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
VIII THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1 Thu nhập khác	71		185.769.552	128.122.336
8.2 Chi phí khác	72		735.362	565.675
Kết quả hoạt động khác	80		185.034.190	127.556.661
IX TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		391.113.238.461	346.630.607.631
9.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91		357.804.481.678	333.218.736.031
9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	92		33.308.756.783	13.411.871.600
X CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)	100	28	78.686.365.005	82.172.860.797
10.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		78.722.907.988	69.397.981.744
10.2 (Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		(36.542.983)	12.774.879.053
XI LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		312.426.873.456	264.457.746.834
XII THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300		24.085.045.182	12.777.609.281
12.1 Lãi đánh giá lại các tài sản tài chính AFS	301		24.085.045.182	12.777.609.281
TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN (400 = 300)	400		24.085.045.182	12.777.609.281

Ngày 13 tháng 8 năm 2024

Người lập:

Người soát xét:

Người duyệt:


 Bà Cao Thị Bảo Lê
 Kế toán trưởng


 Ông Huh Hong Suk
 Giám đốc Tài chính


 Ông Kang Moon Kyung
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03b – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1 Lợi nhuận trước thuế TNDN	01	391.113.238.461	346.630.607.631
2 Điều chỉnh cho các khoản	02	303.654.614.784	277.205.392.014
Khấu hao và phân bổ	03	7.927.507.765	5.774.817.380
Các khoản dự phòng	04	-	41.140.868.831
Chi phí lãi	06	325.975.942.666	294.437.637.327
Thu nhập từ cổ tức và tiền lãi	08	(30.248.835.647)	(64.147.931.524)
3 Tăng các chi phí phi tiền tệ	10	769.996.510	6.507.765
Lỗi từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	11	769.996.510	6.507.765
4 Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18	(34.078.753.293)	(13.418.379.365)
Lãi từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	19	(34.078.753.293)	(13.418.379.365)
5 Thay đổi của vốn lưu động	30	(3.420.448.153.726)	(3.558.326.385.262)
Tăng các TSTC ghi nhận theo FVTPL	31	(1.053.693.526.392)	(1.063.250.392.744)
Giảm/(tăng) các khoản đầu tư HTM	32	230.000.000.000	(689.575.700.000)
Tăng các khoản cho vay	33	(2.073.665.113.453)	(1.443.114.151.680)
Tăng các tài sản tài chính AFS	34	(26.021.261.296)	(3.194.402.320)
Tăng thu từ bán tài sản tài chính	35	(1.060.723.000)	(5.002.591.000)
Giảm thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ TSTC	36	43.538.779.627	67.432.465.775
Giảm/(tăng) các khoản phải thu các dịch vụ cung cấp	37	12.058.643	(1.909.677.336)
Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác	39	5.233.567.581	(11.287.198)
Tăng các tài sản khác	40	(2.655.271.179)	(2.755.327.521)
Tăng/(giảm) chi phí phải trả	41	36.693.978.368	(43.677.039.968)
Giảm chi phí trả trước	42	30.509.344.751	7.324.217.523
Thuế TNDN đã nộp	43	(73.236.690.945)	(65.720.347.241)
Tiền lãi vay đã trả	44	(368.557.644.521)	(293.710.456.976)
(Giảm)/tăng phải trả người bán	45	(12.594.901.244)	1.406.057.931
Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46	25.224.400	25.474.360
Giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	47	(9.049.544.807)	(35.214.939.099)
(Giảm)/tăng phải trả khác	50	(145.926.430.259)	12.621.712.232
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	(2.758.989.057.264)	(2.947.902.257.217)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B03b – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61	(6.473.737.736)	(18.648.259.667)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(6.473.737.736)	(18.648.259.667)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	73	17.577.926.705.881	17.053.920.109.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(16.270.543.705.881)	(15.550.811.561.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	1.307.383.000.000	1.503.108.548.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (90 = 60 + 70 + 80)	90	(1.458.079.795.000)	(1.463.441.968.884)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101	3.388.477.827.221	2.434.241.143.151
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (103 = 90 + 101) (Thuyết minh 5)	103	1.930.398.032.221	970.799.174.267
▪ Tiền	103.1	575.398.032.221	50.799.174.267
▪ Các khoản tương đương tiền	103.2	1.355.000.000.000	920.000.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B03b – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG


	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	124.503.010.149.544	81.818.563.193.040
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(123.573.288.599.106)	(81.106.814.032.410)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	213.338.310.200.324	135.690.767.200.701
<i>(Chi)/nhận tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD</i>	07.1	<i>(572.666.645.728)</i>	<i>646.950.335.809</i>
Chi trả phí thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(214.629.743.287.406)	(136.404.997.717.583)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	20	(361.711.536.644)	(2.481.356.252)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng			
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	31	4.431.823.846.315	3.113.611.787.871
▪ <i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý</i>	32	<i>3.285.323.142.515</i>	<i>1.906.440.727.761</i>
▪ <i>Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng</i>	34	<i>1.146.500.703.800</i>	<i>1.207.171.060.110</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	4.070.112.309.671	3.111.130.431.619
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ			
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	41	4.070.112.309.671	3.111.130.431.619
▪ <i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán</i>	42	<i>2.914.782.707.921</i>	<i>1.649.281.559.959</i>
	44	<i>1.155.329.601.750</i>	<i>1.461.848.871.660</i>

Ngày 13 tháng 8 năm 2024

Người lập:

Người soát xét:

Người duyệt:


 Bà Cao Thị Bảo Lê
 Kế toán trưởng


 Ông Huh Hong Suk
 Giám đốc Tài chính


 Ông Kang Moon Kyung
 Tổng Giám đốc

Các quyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B04 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

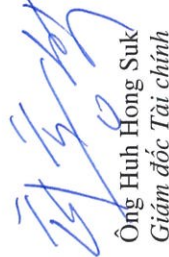
	Số dư tại ngày		Biến động trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Số dư tại ngày	
	1/1/2023 VND	1/1/2024 VND	30/6/2023 VND	30/6/2024 VND	30/06/2023 VND	30/6/2024 VND
Vốn cổ phần	6.590.500.000,000	6.590.500.000,000	-	-	6.590.500.000,000	6.590.500.000,000
Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	22.390.729,073	39.944.192,733	12.777.609,281	24.085.045,182	35.168.338,354	64.029.237,915
Lợi nhuận chưa phân phối	2.579.850.699,459	3.066.711.094,742	224.732.746,834	272.701.873,456	2.804.583.446,293	3.339.412.968,198
- Lợi nhuận đã thực hiện	2.590.464.449,240	3.069.793.277,084	211.320.875,234	239.393.116,673	2.801.785.324,474	3.309.186.393,757
- (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	(10.613.749,781)	(3.082.182,342)	13.411.871,600	33.308.756,783	2.798.121,819	30.226.574,441
Tổng cộng	9.192.741.428.532	9.697.155.287.475	237.510.356.115	296.786.918.638	9.430.251.784.647	9.993.942.206.113

Ngày 13 tháng 8 năm 2024

Người lập:


 Bà Cao Thị Bảo Lê
 Kế toán trưởng

Người soát xét:


 Ông Huh Hong Suk
 Giám đốc Tài chính



Ông Kang Moon Kyung
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Cơ sở thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 56/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 5 tháng 7 năm 2007. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được sửa đổi nhiều lần, lần sửa đổi gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động Điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK ngày 11 tháng 3 năm 2024 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

(b) Vốn cổ phần của Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn cổ phần của Công ty là 6.950.500 triệu VND.

(c) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

(d) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(e) Số lượng nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 565 nhân viên (31/12/2023: 577 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các công cụ tài chính được phân loại là tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính ghi nhận theo FVTPL và tài sản tài chính AFS được đo lường theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý. Các phương pháp được sử dụng để xác định giá trị hợp lý được mô tả tại Thuyết minh 3(d) và 3(h). Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với những chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ các khoản mục đã được dự phòng rủi ro hối đoái bằng các công cụ tài chính, được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(c) Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

(i) Ghi nhận

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này.

(ii) Phân loại và đo lường

- Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”): xem Thuyết minh 3(d);
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: xem Thuyết minh 3(e);
- Các khoản cho vay và phải thu: xem Thuyết minh 3(f) và 3(g); và
- Các tài sản tài chính AFS: xem Thuyết minh 3(h).

Công ty phân loại tất cả các khoản nợ phải trả tài chính là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

(iii) Chấm dứt ghi nhận

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

(iv) Cẩn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cẩn trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cẩn trừ các khoản mục với số tiền thuần được ghi nhận và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.



Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(d) Các TSTC ghi nhận theo FVTPL

TSTC ghi nhận theo FVTPL là một TSTC thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- TSTC được Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. TSTC được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận theo FVTPL.

Các TSTC ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu các TSTC này được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (khi không có giá thị trường) và thay đổi trong giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được ghi nhận vào phần lãi/lỗ trong báo cáo kết quả hoạt động.

Đối với các chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các loại chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên Thị trường của Công ty Đại chúng chưa niêm yết (“sàn UPCOM”), giá thị trường là giá đóng cửa tại sàn UPCOM vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế tại ngày gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán nhưng không quá một tháng tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán không phải là bên có liên quan với Công ty. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá theo giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá.

Đối với các loại chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch từ ngày thứ sáu trở đi, giá trị hợp lý là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.

Đối với chứng chỉ quỹ mở, giá thị trường là giá trị tài sản ròng của quỹ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quỹ công bố.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(e) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”)

Các khoản đầu tư HTM là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo FVTPL;
- các TSTC đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá được trích lập khi có dấu hiệu về sự giảm giá chứng khoán kéo dài hoặc có bằng chứng chắc chắn là Công ty khó có thể thu hồi đầy đủ khoản đầu tư và Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đối với những thay đổi giá trong ngắn hạn.

Các TSTC sẽ không được tiếp tục phân loại là khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong năm tài chính hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất đã được bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn trước thời hạn, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- rất gần ngày đáo hạn mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của TSTC;
- được thực hiện sau khi Công ty thu được phần lớn tiền gốc của các TSTC này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- có liên quan đến một sự kiện đặc biệt nào ngoài khả năng kiểm soát của Công ty và sự kiện này Công ty không thể dự đoán trước được.

(f) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Các khoản cho vay bao gồm các khoản cho vay ký quỹ và tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán và được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được xác định bằng chênh lệch giữa giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản nhận thế chấp và giá trị ghi sổ của khoản cho vay và tạm ứng tương ứng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ bán các TSTC và từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản phải thu hoặc mức tồn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Dự phòng phải thu khó đòi được xác định bằng các tham khảo tình trạng quá hạn như sau:

<i>Tình trạng quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ trích lập dự phòng</i>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Tổng Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản phải thu chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Tổng Giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản phải thu này.

(h) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”)

Tài sản tài chính AFS là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và phải thu;
- Các khoản đầu tư HTM; hoặc
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL.

Các tài sản tài chính AFS bao gồm cổ phiếu chưa niêm yết và chứng chỉ quỹ. Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS so với năm trước được thể hiện trên khoản mục “Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán” thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động và “Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý” trên báo cáo tình hình tài chính.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính AFS tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định như sau:

- Cổ phiếu chưa niêm yết: giá trị trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu của ba (3) công ty chứng khoán không phải là bên có liên quan của Công ty;
- Chứng chỉ quỹ: giá trị tài sản ròng (“NAV”) trên một đơn vị chứng chỉ quỹ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(i) Hợp đồng tương lai

Hợp đồng tương lai là chứng khoán phái sinh niêm yết, trong đó xác nhận cam kết giữa các bên để thực hiện một trong các giao dịch sau:

- Mua hoặc bán một số lượng tài sản cơ sở nhất định theo một mức giá đã được xác định vào một ngày đã được ấn định trước trong tương lai; hoặc
- Thanh toán khoản chênh lệch giữa giá trị tài sản cơ sở đã xác định trước tại thời điểm giao kết hợp đồng và giá trị tài sản cơ sở tại một ngày được ấn định trước trong tương lai.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến hợp đồng tương lai theo hướng dẫn của Công văn số 6190/BTC-CĐKT do Bộ Tài chính ban hành ngày 12 tháng 5 năm 2017, cụ thể như sau:

Giao dịch tự doanh

Tiền gửi ký quỹ tự doanh chứng khoán phái sinh là hợp đồng tương lai được ghi nhận và trình bày trong chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác” trên báo cáo tình hình tài chính.

Chứng khoán đem ký quỹ để giao dịch chứng khoán phái sinh là hợp đồng tương lai không bị dừng ghi nhận mà được theo dõi trên tài khoản chi tiết của cùng loại tài sản tài chính và thuyết minh trên báo cáo tài chính.

Lãi (hoặc lỗ) vị thế của hợp đồng tương lai được xác định và thanh toán hàng ngày dựa trên giá thanh toán cuối ngày hạch toán trừ đi giá thanh toán cuối ngày giao dịch gần nhất. Lãi (hoặc lỗ) vị thế được ghi nhận vào thu nhập (hoặc chi phí) đã thực hiện trong báo cáo kết quả hoạt động tại khoản mục “Lãi/(lỗ) bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL”.

Lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh từ tiền gửi ký quỹ tự doanh phái sinh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động tại khoản mục “Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL”.

Giao dịch môi giới

Tiền nộp vào Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh là hợp đồng tương lai được ghi nhận và trình bày tại khoản mục “Tài sản dài hạn khác” trên báo cáo tình hình tài chính.

Doanh thu từ phí giao dịch hợp đồng tương lai được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động tại khoản mục “Doanh thu môi giới chứng khoán”.

Tiền và tài sản ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh của khách hàng được ghi nhận ngoài báo cáo tình hình tài chính tại khoản mục “Tài sản ký quỹ của nhà đầu tư” và “Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD”.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(j) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------|-----------|
| ▪ thiết bị văn phòng | 4 - 5 năm |
| ▪ phương tiện vận tải | 5 năm |

(k) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

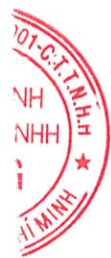
(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Thẻ thành viên câu lạc bộ golf

Thẻ thành viên câu lạc bộ golf được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 34 năm.

(ii) Chi phí cải tạo văn phòng

Chi phí cải tạo văn phòng được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.



Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Các khoản mục này được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 đến 3 năm.

(iv) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 đến 3 năm.

(m) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(n) Dự phòng

Ngoại trừ các khoản dự phòng được trình bày tại các thuyết minh khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận là một khoản chi phí/thu nhập ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phản ánh theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Cổ phiếu ưu đãi

Cổ phiếu ưu đãi không được đơn vị mua lại được phân loại là vốn chủ sở hữu do cổ phiếu này có mức cổ tức tùy theo quyết định của Công ty, không có nghĩa vụ chuyển giao tiền hay tài sản tài chính khác và không có yêu cầu phải thanh toán bằng một số lượng có thể thay đổi công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty. Do đó cổ tức tùy theo quyết định của Công ty được ghi nhận là phân phối vốn chủ sở hữu theo nghị quyết của các cổ đông của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(q) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC (“Thông tư 114”) thay thế Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”) do Bộ Tài chính ban hành nhằm hướng dẫn về chế độ tài chính áp dụng đối với các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2022. Theo đó, Công ty đã ngừng phân bổ lợi nhuận đã thực hiện vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính từ năm 2022. Theo Thông tư 114:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã trích lập theo quy định tại Thông tư 146 sẽ được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 (“Luật Chứng khoán”) và các quy định có liên quan khác.
- Số dư quỹ dự phòng tài chính đã trích lập theo quy định tại Thông tư 146 có thể được dùng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Luật Chứng khoán và các quy định có liên quan khác.

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 16 tháng 12 năm 2022, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt việc hoàn nhập số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính vào lợi nhuận chưa phân phối.

(r) Doanh thu

(i) Lãi từ bán các TSTC

Lãi từ bán các TSTC được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty nhận được thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“VSD”) (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Công ty không ghi nhận cổ tức bằng cổ phiếu là một khoản thu nhập.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập tiền lãi cũng bao gồm số phân bổ các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của công cụ nợ và giá trị danh nghĩa của công cụ nợ khi đáo hạn.

(iii) Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu môi giới chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

(iv) Doanh thu tư vấn đầu tư tài chính

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(v) Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ được cung cấp.

(s) Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh. Chi phí lãi vay liên quan đến các khoản cho vay được ghi nhận ở chỉ tiêu “Chi phí dự phòng các khoản cho vay và phải thu và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(u) Các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ

Công ty thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá đối với những khoản vay có gốc ngoại tệ thông qua việc ký kết các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ với các ngân hàng thương mại. Chênh lệch giữa giá trị tiền tệ cam kết mua theo tỷ giá ghi trên hợp đồng và giá trị tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá bán chuyển khoản giao ngay tại ngày hiệu lực của các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hiệu lực của các hợp đồng này.

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(x) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư được quy định trong Thông tư 334 mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Tổng Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.



Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty.

Tài sản đảm bảo

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Các loại tài sản đảm bảo thu được chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi của khách hàng tại Công ty. Tổng Giám đốc theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2024	31/12/2023
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền (i)	1.930.393.284.721	3.388.473.747.721
Các TSTC ghi nhận theo FVTPL (ii)	1.243.760.170.842	212.062.939.500
Các khoản đầu tư HTM – ngắn hạn (i)	650.000.000.000	880.000.000.000
Các khoản cho vay – gộp (iii)	16.746.556.814.089	14.672.891.700.636
Các khoản phải thu (iii)	31.817.928.647	44.047.149.627
Phải thu các dịch vụ cung cấp (iii)	4.616.790.860	4.628.849.503
Các khoản phải thu khác (iii)	3.221.946.202	4.190.287.566
Tạm ứng (iii)	134.205.517	137.773.610
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (iii)	200.000	200.000
Tài sản ngắn hạn khác (iv)	41.012.180.709	41.012.180.709
Các khoản đầu tư HTM – dài hạn (i)	250.000.000.000	250.000.000.000
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn (iii)	11.980.240.874	11.644.340.874
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán (iv)	20.000.000.000	17.690.764.818
Tài sản dài hạn khác (iv)	10.112.012.387	10.101.876.390
	<hr/>	<hr/>
	20.943.605.774.848	19.536.881.810.954

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư HTM

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư HTM của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Các TSTC ghi nhận theo FVTPL

Công ty giới hạn các mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các loại chứng khoán có tính thanh khoản cao, chủ yếu là chứng chỉ tiền gửi, chứng chỉ quỹ và trái phiếu chính phủ. Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng của các TSTC này là không đáng kể.

(iii) Các khoản cho vay và các khoản phải thu

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Tổng Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện tín dụng chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức tín dụng được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm.

Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục cấp tín dụng. Tổng Giám đốc cũng yêu cầu tài sản đảm bảo dựa trên kết quả đánh giá rủi ro tín dụng của từng khách hàng. Loại tài sản đảm bảo thường nhận là tiền gửi và chứng khoán. Tổng Giám đốc của Công ty theo dõi giá thị trường của các tài sản đảm bảo và sẽ yêu cầu thêm tài sản đảm bảo theo thỏa thuận, và theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay, các khoản phải thu và các tài sản khác mà chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến các khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Bảng phân tích tuổi nợ của tài sản tài chính bị tổn thất như sau:

	30/6/2024 VND	31/12/2023 VND
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn từ 1 đến 2 năm	127.288.943.700	127.288.943.700

(iv) Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và các tài sản khác

Đây là các khoản tiền ký quỹ của Công ty cho giao dịch tự doanh chứng khoán phái sinh, tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh theo các quy định có liên quan của VSD. Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng của các khoản tiền ký quỹ này là không đáng kể.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Công ty luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Vay ngắn hạn	11.025.671.000.000	11.025.671.000.000	11.025.671.000.000
Phải trả người bán	978.392.542	978.392.542	978.392.542
Chi phí phải trả ngắn hạn	85.939.764.300	85.939.764.300	85.939.764.300
Các khoản phải trả khác ngắn hạn	197.367.575.459	197.367.575.459	197.367.575.459
	11.309.956.732.301	11.309.956.732.301	11.309.956.732.301
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Vay ngắn hạn	9.718.288.000.000	9.718.288.000.000	9.718.288.000.000
Phải trả người bán	5.645.786.021	5.645.786.021	5.645.786.021
Chi phí phải trả ngắn hạn	95.201.735.365	95.201.735.365	95.201.735.365
Các khoản phải trả khác ngắn hạn	309.737.605.687	309.737.605.687	309.737.605.687
	10.128.873.127.073	10.128.873.127.073	10.128.873.127.073

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư các khoản tiền thặng dư vào các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng.

Công ty cho rằng rủi ro liên quan đến nghĩa vụ nợ tương đối thấp, có khả năng huy động vốn và các khoản vay với thời hạn dưới 12 tháng có thể được gia hạn với bên cho vay hiện tại.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty chịu rủi ro tỷ giá hối đoái từ các khoản vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”). Công ty thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá đối với những khoản vay có gốc ngoại tệ thông qua việc ký kết các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ và hợp đồng hoán đổi tiền tệ với các ngân hàng thương mại.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có các khoản nợ phải trả và cam kết kỳ hạn tiền tệ chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/6/2024		31/12/2023	
	USD	Tương đương VND	USD	Tương đương VND
Vay ngắn hạn	365.000.000	8.959.770.000.000	375.000.000	8.987.288.000.000

Bao gồm trong các khoản vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã sử dụng công cụ tài chính phái sinh là các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ để cố định tỷ giá của một số khoản vay với tổng số dư nợ gốc là 365.000.000 USD (31/12/2023: 375.000.000 USD). Do đó, tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, rủi ro tiền tệ của Công ty được coi là không đáng kể.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các công cụ tài chính chịu lãi của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2024	31/12/2023
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	1.930.393.284.721	3.388.464.655.379
Các khoản đầu tư HTM – ngắn hạn	650.000.000.000	880.000.000.000
Các khoản cho vay – thuần	16.619.267.870.389	14.545.602.756.936
Tài sản ngắn hạn khác	41.012.180.709	41.012.180.709
Các khoản đầu tư HTM – dài hạn	250.000.000.000	250.000.000.000
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	20.000.000.000	17.690.764.818
Tài sản dài hạn khác	10.112.012.387	10.101.876.390
Vay ngắn hạn	(2.065.901.000.000)	(731.000.000.000)
<hr/>		
Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi		
Vay ngắn hạn	(8.959.770.000.000)	(8.987.288.000.000)
<hr/>		

Phân tích độ nhạy của các công cụ có lãi suất thả nổi

Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, tỷ lệ biến động giữa lãi suất cao nhất và thấp nhất là xấp xỉ 0,04% (2023: tỷ lệ biến động giữa lãi suất cao nhất và thấp nhất là xấp xỉ 2,40%). Nếu lãi suất tăng hoặc giảm 0,04% tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (31/12/2023: 2,40%) với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận thuần của Công ty sẽ giảm hoặc tăng tương ứng là 2.867.126.400 VND (31/12/2023: 172.555.929.600 VND).

(iii) *Rủi ro thị trường khác*

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty.

TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Tổng Giám đốc quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, ảnh hưởng rủi ro về giá chứng khoán vốn của Công ty là không đáng kể vì Công ty nắm giữ danh mục TSTC ghi nhận theo FVTPL không trọng yếu.

(e) *Giá trị hợp lý*

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá tại ngày đo lường.



Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại báo cáo tình hình tài chính, như sau:

	30/6/2024		31/12/2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là TSTC ghi nhận theo FVTPL:</i>				
▪ TSTC ghi nhận theo FVTPL				
- Có phiếu niêm yết	38.575.821.579	38.575.821.579	29.481.536.746	29.481.536.746
- Có phiếu chưa niêm yết	5.593.865	5.593.865	5.593.865	5.593.865
- Chứng chỉ quỹ	212.779.932.000	212.779.932.000	166.569.165.000	166.569.165.000
- Chứng chỉ tiền gửi	685.041.170.842	685.041.170.842	212.062.939.500	212.062.939.500
- Trái phiếu Chính phủ	558.719.000.000	558.719.000.000	-	-
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	1.930.398.032.221	1.930.398.032.221	3.388.477.827.221	3.388.477.827.221
▪ Các khoản cho vay – thuần	16.619.267.870.389	16.619.267.870.389	14.545.602.756.936	14.545.602.756.936
▪ Phải thu các dịch vụ cung cấp	4.616.790.860	4.616.790.860	4.628.849.503	4.628.849.503
▪ Các khoản phải thu khác	3.221.946.202	3.221.946.202	4.190.287.566	4.190.287.566
▪ Tạm ứng	134.205.517	134.205.517	137.773.610	137.773.610
▪ Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	200.000	200.000	200.000	200.000
▪ Tài sản ngắn hạn khác	41.012.180.079	41.012.180.079	41.012.180.079	41.012.180.079
▪ Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	11.980.240.874	(*)	11.644.340.874	(*)
▪ Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	20.000.000.000	(*)	17.690.764.818	(*)
▪ Tài sản dài hạn khác	10.112.012.387	(*)	10.101.876.390	(*)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	30/6/2024		31/12/2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>				
▪ Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	650.000.000.000	650.000.000.000	880.000.000.000	880.000.000.000
▪ Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	250.000.000.000	(*)	250.000.000.000	(*)
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Vay ngắn hạn	11.025.671.000.000	11.025.671.000.000	9.718.288.000.000	9.718.288.000.000
▪ Phải trả người bán – ngắn hạn	978.392.542	978.392.542	5.645.786.021	5.645.786.021
▪ Chi phí phải trả – ngắn hạn	151.501.264.199	151.501.264.199	157.388.987.686	157.388.987.686
▪ Các khoản phải trả khác	197.367.575.459	197.367.575.459	309.737.605.687	309.737.605.687

Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Công ty sử dụng các phương pháp và giá định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính/nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính/nợ phải trả tài chính khác của Công ty xấp xỉ giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính/nợ phải trả tài chính này do thời gian đáo hạn ngắn của các công cụ tài chính này.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có thông tin về giá niêm yết trên thị trường của các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của các công cụ này.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền mặt	4.747.500	4.079.500
Tiền gửi ngân hàng	575.384.183.258	38.464.655.379
Tiền gửi bù trừ và thanh toán	9.101.463	9.092.342
Các khoản tương đương tiền (i)	1.355.000.000.000	3.350.000.000.000
<hr/>		
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	1.930.398.032.221	3.388.477.827.221
<hr/>		

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, các khoản tương đương tiền có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm là 2,50% đến 4,75% (31/12/2023: 2,10% đến 4,20%).

Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm 655 tỷ VND (31/12/2023: 400 tỷ VND) được cầm cố tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 19).

6. Giá trị và khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023	
	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND
a) Công ty				
Cổ phiếu	4.494.032	143.739.912.460	2.696.087	74.257.059.580
Chứng chỉ quỹ	4.230.200	57.468.487.000	11.594.700	114.866.359.000
Trái phiếu	113.055.642	16.901.865.627.109	21.761.220	4.780.054.134.035
Chứng chỉ tiền gửi	13.187.155	20.321.865.564.886	2.092.812	17.878.679.023.505
Hợp đồng tương lai	11.327	1.404.526.031.000	8.498	909.226.741.000
b) Nhà đầu tư/khách hàng				
Cổ phiếu	11.124.106.774	250.210.895.429.270	9.158.476.903	166.658.652.704.620
Chứng chỉ quỹ	7.051.857	151.873.457.950	9.437.883	105.103.209.400
Trái phiếu	15.714.250	1.805.372.032.381	15.065.896	2.351.571.472.350
Chứng chỉ tiền gửi	150.353.704	148.077.359.380	82.112.102	42.128.511.090
Hợp đồng tương lai	1.281.241	160.160.810.772.000	1.266.884	134.553.965.087.000
<hr/>				
	11.433.486.182	451.306.494.673.436	9.304.512.985	327.468.504.301.580
<hr/>				

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

7. Tài sản tài chính

(a) TSTC ghi nhận theo FVTPL

	30/6/2024		31/12/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	37.179.690.838	38.575.821.579	36.525.220.106	29.481.536.746
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	5.593.865	5.593.865	5.593.865	5.593.865
Chứng chỉ quỹ	183.949.488.300	212.779.932.000	162.607.663.982	166.569.165.000
Chứng chỉ tiền gửi	685.041.170.842	685.041.170.842	212.062.939.500	212.062.939.500
Trái phiếu Chính phủ	558.719.000.000	558.719.000.000	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	1.464.894.943.845	1.495.121.518.286	411.201.417.453	408.119.235.111

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Tình hình biến động giá trị hợp lý của TSTC ghi nhận theo FVTPL trong kỳ như sau:

	30/6/2024		31/12/2023	
	Số lượng	Giá gốc VND	Số lượng	Giá gốc VND
Cổ phiếu niêm yết				
PLX	105.000	4.071.097.761	-	-
ACV	30.000	2.521.910.000	-	-
PHR	45.000	2.775.000.000	-	-
IDC	45.000	2.640.000.000	-	-
VEA	60.000	2.203.778.824	-	-
ACB	110.250	2.891.000.000	-	-
LHG	70.000	2.493.410.000	-	-
SCS	30.000	2.331.000.000	-	-
GDA	60.000	1.745.000.000	1.130.000	34.927.272.727
VNM	25.000	1.691.000.000	-	-
Cổ phiếu khác	303.304	11.816.494.253	59.769	1.597.947.379
	883.554	37.179.690.838	1.189.769	36.525.220.106
				29.481.536.746

Cổ phiếu chưa niêm yết

Cổ phiếu khác	236	5.593.865	236	5.593.865
---------------	-----	-----------	-----	-----------



Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	30/6/2024		31/12/2023	
	Số lượng	Giá gốc VND	Số lượng	Giá gốc VND
Chứng chỉ quỹ				
ETF MAFM				
VNDIAMOND	6.129.200	69.098.867.449	5.088.100	54.726.333.143
ETF MAFM VN30	4.956.400	67.706.548.355	5.236.800	68.835.159.027
ETF Kim Growth				
VNFINSELECT	2.723.000	27.490.314.012	2.703.500	27.261.874.472
ETF Kim Growth VN30	1.400.000	10.911.347.950	1.400.000	10.911.347.950
ETF VFMVN30	100.000	2.106.887.566	-	-
ETF SSIAM FINLEAD	100.000	1.986.291.144	-	-
ETF SSIAM VNX50	100.000	1.792.895.000	-	-
ETF SSIAM VN30	100.000	1.540.710.434	-	-
ETF FPT CAPITAL				
VNX50	100.000	993.912.390	90.000	872.949.390
ETF IPAAM VN100	40.200	321.714.000	-	-
	15.748.800	183.949.488.300	14.518.400	162.607.663.982
Chứng chỉ tiền gửi	2.849	685.041.170.842	200	212.062.939.500
Trái phiếu Chính phủ	5.000.000	558.719.000.000	-	-
	21.635.439	1.464.894.943.845	15.708.605	411.201.417.453
		1.495.121.518.286		408.119.235.111

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2024		31/12/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi ngân hàng (i)	650.000.000.000	(*)	780.000.000.000	(*)
▪ Chứng chỉ tiền gửi	-	-	100.000.000.000	(*)
	650.000.000.000		880.000.000.000	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi ngân hàng (ii)	250.000.000.000	(*)	250.000.000.000	(*)
	900.000.000.000		1.130.000.000.000	

(i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 3 tháng đến 1 năm có lãi suất năm từ 3,60% đến 4,70% (31/12/2023: từ 4,20% đến 7,80%).

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm 450 tỷ VND (31/12/2023: 580 tỷ VND) được cầm cố tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).

(ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc lớn hơn 1 năm có lãi suất năm là 7,20%.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có thông tin về giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(c) TSTC sẵn sàng để bán

	30/6/2024		31/12/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch				
SMV	10.516.976.315	17.100.385.500	10.516.976.313	17.100.385.500
Chứng chỉ quỹ				
MAGEF	116.706.809.845	169.341.713.999	96.706.809.845	124.016.178.700
MAFF	100.000.000.000	120.346.700.000	100.000.000.000	116.142.200.000
FVEF	5.000.000.000	5.471.534.053	5.000.000.000	4.895.262.874
	232.223.786.160	312.260.333.552	212.223.786.158	262.154.027.074

(d) Các khoản cho vay

	30/6/2024		31/12/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay giao dịch ký quỹ (i)	16.065.669.024.635	(*)	13.400.325.556.104	(*)
Ứng trước tiền bán chứng khoán (ii)	680.887.789.454	(*)	1.272.566.144.532	(*)
	16.746.556.814.089		14.672.891.700.636	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có thông tin về giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của các công cụ này.

(i) Cho vay giao dịch ký quỹ là số tiền tài trợ cho nhà đầu tư mua chứng khoán trên cơ sở giao dịch ký quỹ theo Quyết định số 87/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 1 năm 2017. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tài trợ này có thời hạn thu hồi không qua ba (3) tháng kể từ ngày giải ngân theo quy định và Công ty được hưởng lãi suất từ 0,024%/ngày đến 0,036%/ngày.

(ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tạm ứng giao dịch chứng khoán cho khách hàng được hưởng lãi suất từ 0,024%/ngày đến 0,036%/ngày và có thời hạn gốc từ 1 ngày đến 2 ngày giao dịch.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

8. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp

	30/6/2024		31/12/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Cho vay giao dịch ký quỹ	127.288.943.700	127.288.943.700	127.288.943.700	127.288.943.700
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Tại ngày 30/6/2024			
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Dự phòng trích lập trong kỳ VND
Cho vay giao dịch ký quỹ	127.288.943.700	-	127.288.943.700	-
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Tại ngày 30/6/2023			
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Dự phòng trích lập trong kỳ VND
Cho vay giao dịch ký quỹ	106.140.868.831	-	106.140.868.831	41.140.686.831

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

9. Các khoản phải thu

	30/6/2024	31/12/2023
	VND	VND
Phải thu từ bán TSTC	1.569.093.000	508.370.000
Dự thu cổ tức, tiền lãi từ các TSTC	30.248.835.647	43.538.779.627
	<hr/>	<hr/>
	31.817.928.647	44.047.149.627
	<hr/>	<hr/>

10. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2024	31/12/2023
	VND	VND
Chi phí tư vấn khoản vay	8.384.803.191	12.976.343.879
Chi phí bảo lãnh cho các khoản vay	3.737.223.236	25.305.260.845
Chi phí trả trước cho thuê hoạt động	803.560.423	1.189.770.828
Học phí cho con của nhân viên người nước ngoài	-	1.436.880.000
Các khoản trả trước ngắn hạn khác	6.583.330.201	7.919.330.867
	<hr/>	<hr/>
	19.508.917.051	48.827.586.419
	<hr/>	<hr/>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí cải tạo văn phòng VND	Công cụ và dụng cụ VND	Phí thành viên câu lạc bộ golf VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	4.492.170.762	2.946.342.233	769.282.388	3.671.723.131	11.879.518.514
Tăng trong kỳ	1.950.905.977	2.319.337.640	28.000.000	1.006.268.850	5.304.512.467
Phân bổ trong kỳ	(1.811.441.348)	(1.514.425.522)	(22.055.059)	(3.147.265.921)	(6.495.187.850)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	4.631.635.391	3.751.254.351	775.227.329	1.530.726.060	10.688.843.131
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>



Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản ngắn hạn khác

	30/6/2024	31/12/2023
	VND	VND
Tiền gửi ký quỹ tự doanh chứng khoán phái sinh	41.012.180.709	41.012.180.709

Theo Quyết định số 96/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của VSD, Công ty phải ký quỹ bằng khoản tiền hoặc chứng khoán và phải đảm bảo tỷ lệ ký quỹ bằng tiền tại mọi thời điểm không được thấp hơn tỷ lệ tối thiểu do VSD quy định.

12. Các khoản đầu tư dài hạn khác

	Tại ngày 30/6/2024 và 31/12/2023			
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	
	%	VND	VND	VND
Công ty TNHH Mirae Asset Realty Việt Nam	14,99	572.618.000	(*)	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	2.975.873.400	54.587.041.018	57.562.914.418
Tăng trong kỳ	-	6.030.422.640	6.030.422.640
Số dư cuối kỳ	2.975.873.400	60.617.463.658	63.593.337.058
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1.578.395.558	32.328.668.265	33.907.063.823
Khấu hao trong kỳ	167.697.342	4.190.970.633	4.358.667.975
Số dư cuối kỳ	1.746.092.900	36.519.638.898	38.265.731.798
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	1.397.477.842	22.258.372.753	23.655.850.595
Số dư cuối kỳ	1.229.780.500	24.097.824.760	25.327.605.260

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá là 19.199.202.365 VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (31/12/2023: 18.700.112.895 VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	43.283.221.097
Tăng trong kỳ	8.370.822.861
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	51.654.043.958
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	24.489.475.500
Khấu hao trong kỳ	3.568.839.790
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	28.058.315.290
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	18.793.745.597
Số dư cuối kỳ	23.595.728.668
	<hr/>

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá là 14.386.522.561 VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (31/12/2023: 10.080.615.061 VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

15. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược – dài hạn

	30/6/2024 VND	31/12/2023 VND
Tiền ký quỹ thuê văn phòng và ký quỹ khác	11.980.240.874	11.644.340.874
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Thuế suất	30/6/2024 VND	31/12/2023 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
▪ Dự phòng phải trả khác	20%	1.176.976.682	1.140.433.699
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
▪ Chênh lệch đánh giá lại TSTC ghi nhận theo AFS	20%	(16.007.309.479)	(9.986.048.183)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả - thuần		(14.830.332.797)	(8.845.614.484)

17. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của VSD, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại VSD và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2.500 triệu VND.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Số dư đầu kỳ	17.690.764.818	15.190.764.818
Tiền nộp thêm trong kỳ	1.445.484.185	1.853.538.143
Tiền lãi nhận được trong kỳ	863.750.997	646.461.857
Số dư cuối kỳ	20.000.000.000	17.690.764.818

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

18. Tài sản dài hạn khác

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của VSD về quy chế quản lý, sử dụng quỹ bù trừ cho các hoạt động chứng khoán phái sinh, Công ty có trách nhiệm đóng góp vào Quỹ bù trừ cho các hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh bằng tiền hoặc chứng khoán. Tỷ lệ đóng góp bằng tiền tối thiểu là 80% trên tổng giá trị tài sản đóng góp Quỹ bù trừ. Mức đóng góp tối thiểu ban đầu là 10 tỷ VND đối với thành viên bù trừ trực tiếp, 15 tỷ VND đối với thành viên bù trừ chung.

Biến động tiền nộp Quỹ bù trừ cho các hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	10.101.876.390	10.081.740.127
Tiền lãi phát sinh trong kỳ	10.135.997	10.052.483
Số dư cuối kỳ	10.112.012.387	10.091.792.610

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

19. Vay ngắn hạn

	Lãi suất (năm)	Số dư đầu kỳ tại ngày 1/1/2024 VND	Vay trong kỳ VND	Trả trong kỳ VND	Số dư cuối kỳ tại ngày 30/6/2024 VND
Vay ngân hàng trong nước (i)	2,20% - 3,90%	583.000.000.000	7.957.616.705.881	(6.674.715.705.881)	1.865.901.000.000
Vay thấu chi ngân hàng (ii)	3,50% - 4,40%	148.000.000.000	5.732.600.000.000	(5.680.600.000.000)	200.000.000.000
Vay ngân hàng nước ngoài (iii)	6,02% - 7,04%	8.987.288.000.000	3.887.710.000.000	(3.915.228.000.000)	8.959.770.000.000
		9.718.288.000.000	17.577.926.705.881	(16.270.543.705.881)	11.025.671.000.000

(i) Đây là khoản vay ngắn hạn trong nước nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh, có thời hạn vay là 1 năm với lãi suất năm dao động từ 2,20% đến 3,90%. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, các khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn là 655 tỷ VND (31/12/2023: 630 tỷ VND) (Thuyết minh 5 và Thuyết minh 7(a)).

(ii) Đây là khoản vay thấu chi nhằm mục đích bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh, với lãi suất năm dao động từ 3,50% đến 4,40%. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, các khoản vay thấu chi với số dư 200 tỷ VND được đảm bảo bằng khoản tiền gửi có kỳ hạn là 200 tỷ VND (31/12/2023: 350 tỷ VND) (Thuyết minh 7(a)).

(iii) Đây là khoản vay tín chấp ngắn hạn với ngân hàng nước ngoài nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh, có thời hạn vay là 1 năm và chịu lãi suất thả nổi bằng lãi suất tham chiếu cộng lãi biên từ 0,90% đến 1,70%/năm. Lãi suất tham chiếu là lãi suất thả nổi qua đêm có đảm bảo (“SOFR”) áp dụng cho đồng Đô la Mỹ (“USD”) kỳ hạn 3 tháng và 6 tháng được niêm yết vào 08:00 giờ sáng (giờ London) ngày tính lãi. Trường hợp không có lãi suất SOFR áp dụng cho USD cùng kỳ hạn khoản vay, lãi suất tham chiếu sẽ là lãi suất SOFR áp dụng cho USD quy đổi về cùng kỳ hạn khoản vay cùng thời điểm nêu trên (“lãi suất quy đổi”). Trường hợp không xác định được lãi suất quy đổi, lãi suất tham chiếu sẽ là lãi suất huy động của từng bên cho vay.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2024 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	33.426.877.766	78.722.907.988	(73.236.690.945)	38.913.094.809
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	4.572.516.273	28.784.148.366	(30.552.212.263)	2.804.452.376
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	27.666.429.739	187.886.652.248	(186.302.504.308)	29.250.577.679
Thuế nhà thầu nước ngoài	13.716.187.984	23.125.421.076	(31.949.788.610)	4.891.820.450
Thuế giá trị gia tăng	21.272.727	129.832.817	(129.832.817)	21.272.727
Thuế khác	1.125.672.536	6.571.772.875	(6.613.034.191)	1.084.411.220
	80.528.957.025	325.220.735.370	(328.784.063.134)	76.965.629.261

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2024 VND	31/12/2023 VND
Chi phí lãi vay	46.072.462.156	80.973.743.241
Chi phí nhân viên	36.670.000.000	41.500.000.000
Chi phí hoa hồng phải trả	28.891.499.899	20.687.252.321
Chi phí bảo lãnh	18.543.625.000	-
Chi phí giao dịch	12.580.437.179	9.916.098.473
Chi phí dịch vụ tư vấn	270.000.000	221.184.000
Các chi phí khác	8.473.239.965	4.090.709.651
	151.501.264.199	157.388.987.686

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/6/2024	31/12/2023
	VND	VND
Cổ tức phải trả cho cổ đông	119.175.000.000	173.701.643.836
Phải trả cho Công ty TNHH Nền tảng Tài chính số Vina – một bên liên quan	75.000.000.000	130.000.000.000
Khác	3.192.575.459	6.035.961.851
	197.367.575.459	309.737.605.687

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	Tại ngày 30/6/2024 và 31/12/2023	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	659.050.000	6.590.500.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	545.550.000	5.455.500.000.000
Cổ phiếu ưu đãi (*)	113.500.000	1.135.000.000.000
	659.050.000	6.590.500.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	545.550.000	5.455.500.000.000
Cổ phiếu ưu đãi (*)	113.500.000	1.135.000.000.000
	659.050.000	6.590.500.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

(*) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2021/NQ-MAS-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 9 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc tăng vốn điều lệ và chào bán cổ phần thêm 113.500.000 cổ phần ưu đãi tương đương 1.135 tỷ VND bằng hình thức chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu.

Căn cứ theo Quyết định số 6268/UBCK-QLKD ngày 13 tháng 10 năm 2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu ưu đãi cho cổ đông hiện hữu của Công ty. Việc tăng vốn điều lệ đã hoàn tất vào ngày 25 tháng 10 năm 2021.

Cổ phiếu ưu đãi có mệnh giá là 10.000 VND. Cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Các cổ đông của Công ty bao gồm:

	Tại ngày 30/6/2024 và 31/12/2023			
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu ưu đãi	%
Mirae Asset Securities (HK) Limited	544.458.900	99,8%	113.500.000	100,0%
Mirae Asset Global Investment (HK) Limited	545.550	0,1%	-	-
PT Mirae Asset Sekuritas Indonesia	545.550	0,1%	-	-
	545.550.000	100,0%	113.500.000	100,0%

Công ty mẹ, Mirae Asset Securities (HK) Limited, và công ty mẹ cấp cao nhất, Mirae Asset Securities Co., Ltd., được thành lập lần lượt tại Hồng Kông và Hàn Quốc.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu hoạt động

(a) Lãi/(lỗ) từ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

	Số lượng bán	Tiền thu được VND	Tổng giá vốn (*) VND	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán VND
Cổ phiếu niêm yết	1.835.655	295.111.974.876	299.868.124.653	(4.756.149.777)
Chứng chỉ quỹ	3.599.800	29.476.952.541	26.743.704.822	2.733.247.719
Chứng chỉ tiền gửi	4.305.121	7.929.405.201.838	7.912.016.943.831	17.388.258.007
Trái phiếu	23.754.592	4.969.275.824.890	4.962.899.293.309	6.376.531.581
	33.495.168	13.223.269.954.145	13.201.528.066.615	21.741.887.530
Lỗ ròng vị thế từ nghiệp vụ chứng khoán phái sinh hợp đồng tương lai				(13.175.641.000)
				8.566.246.530

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

	Số lượng bán	Tiền thu được VND	Tổng giá vốn (*) VND	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán VND
Cổ phiếu niêm yết	841.358	18.575.910.113	17.268.614.473	1.307.295.640
Chứng chỉ quỹ	9.744.500	96.296.092.372	95.928.269.996	367.822.376
Chứng chỉ tiền gửi	766.856	8.407.197.823.792	8.395.210.197.740	11.987.626.052
Trái phiếu	10.970.535	2.216.545.730.125	2.211.360.065.060	5.185.665.065
	22.323.249	10.738.615.556.402	10.719.767.147.269	18.848.409.133
Lỗ ròng vị thế từ nghiệp vụ chứng khoán phái sinh hợp đồng tương lai				(5.021.827.000)
				13.826.582.133

(*) Tổng giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch đối với chứng khoán cơ sở và phương pháp thực tế đích danh đối với chứng khoán phái sinh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

	Giá gốc tại ngày 30/6/2024 VND	Giá trị hợp lý/ giá thị trường tại ngày 30/6/2024 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 30/6/2024 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 1/1/2024 VND	Chênh lệch lãi đánh giá lại trong kỳ VND
Cổ phiếu niêm yết	37.179.690.838	38.575.821.579	1.396.130.741	(7.043.683.360)	8.439.814.101
Cổ phiếu chưa niêm yết	5.593.865	5.593.865	-	-	-
Chứng chỉ quỹ	183.949.488.300	212.779.932.000	28.830.443.700	3.961.501.018	24.868.942.682
Chứng chỉ tiền gửi	685.041.170.842	685.041.170.842	-	-	-
Trái phiếu Chính phủ	558.719.000.000	558.719.000.000	-	-	-
	1.464.894.943.845	1.495.121.518.286	30.226.574.441	(3.082.182.342)	33.308.756.783

Bao gồm:

- Lãi từ đánh giá lại
- Lỗ từ đánh giá lại

34.078.753.293
 (769.996.510)



Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

	Giá gốc tại ngày 30/6/2023 VND	Giá trị hợp lý/ giá thị trường tại ngày 30/6/2023 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 30/6/2023 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 1/1/2023 VND	Chênh lệch lãi/(lỗ) đánh giá lại trong kỳ VND
Cổ phiếu niêm yết	11.465.099.158	11.805.612.899	340.513.741	(1.274.685.918)	1.615.199.659
Cổ phiếu chưa niêm yết	352.148.338.850	352.148.338.850	-	-	-
Chứng chỉ quỹ	118.017.210.922	120.474.819.000	2.457.608.078	(9.339.063.863)	11.796.671.941
Chứng chỉ tiền gửi	667.119.403.000	667.119.403.000	-	-	-
	1.148.750.051.930	1.151.548.173.749	2.798.121.819	(10.613.749.781)	13.411.871.600

Bao gồm:

- Lãi từ đánh giá lại
- Lỗ từ đánh giá lại

13.418.379.365
 (6.507.765)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(c) Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, TSTC AFS, các khoản cho vay và phải thu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL		
▪ Thu nhập từ cổ tức	453.715.160	43.752.150
<hr/>		
Lãi từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		
▪ Thu nhập lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	66.319.839.323	171.674.446.528
▪ Thu nhập lãi từ đầu tư trái phiếu doanh nghiệp	-	4.182.549.314
<hr/>		
	66.319.839.323	175.856.995.842
<hr/>		
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu		
▪ Thu nhập lãi từ cho vay giao dịch ký quỹ	666.808.490.651	627.585.659.827
▪ Thu nhập lãi từ ứng trước tiền bán chứng khoán	69.842.287.888	49.425.391.651
<hr/>		
	736.650.778.539	677.011.051.478
<hr/>		
Lãi từ các tài sản tài chính AFS	-	722.551.500
<hr/>		
	803.424.333.022	853.634.350.970
<hr/>		

(d) Doanh thu không phải là thu nhập từ các TSTC

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	342.469.870.938	240.486.144.134
Doanh thu tư vấn nghiệp vụ đầu tư chứng khoán	4.031.938.292	1.294.657.632
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	13.812.943.452	9.591.851.079
Thu nhập hoạt động khác	3.560.410.437	4.336.525.848
<hr/>		
	363.875.163.119	255.709.178.693
<hr/>		

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

25. Chi phí dự phòng các khoản cho vay và phải thu và chi phí đi vay của các khoản cho vay

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	325.975.942.666	294.437.637.327
Phân bổ chi phí hợp đồng phòng ngừa rủi ro	4.656.381.289	67.504.902.021
Chi phí bảo lãnh	37.514.611.565	35.332.446.552
Dự phòng suy giảm giá trị TSTC và tài sản thế chấp (Thuyết minh 8)	-	41.140.868.831
Chi phí khác	16.437.307.455	21.977.394.197
	384.584.242.975	460.393.248.928

26. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	117.907.602.456	101.955.327.807
Chi phí hoa hồng cho nhân viên môi giới	74.223.657.174	56.930.737.691
Chi phí môi giới chứng khoán	68.271.902.055	45.285.428.670
Chi phí thuê văn phòng	21.197.465.919	19.305.640.359
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.685.154.686	5.658.633.726
Chi phí cho máy tính và các chi phí liên quan	6.315.623.056	5.546.675.567
Chi phí chứng khoán phái sinh	3.475.421.100	3.421.882.800
Chi phí khấu hao	6.335.470.169	4.912.515.742
Chi phí sửa chữa văn phòng	2.504.087.021	3.096.021.855
Khác	6.770.140.024	5.945.265.754
	315.686.523.660	252.058.129.971

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

27. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Chi phí nhân viên	65.392.261.325	41.380.834.719
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.484.125.026	10.237.037.497
Chi phí thuê văn phòng	4.360.543.635	4.874.417.577
Chi phí văn phòng phẩm	1.331.846.091	1.320.814.172
Chi phí khấu hao	1.592.037.596	862.301.638
Thuế, phí và lệ phí	4.364.896	3.000.000
Chi phí khác	7.440.123.999	2.833.823.761
	<hr/>	<hr/>
	102.605.302.568	61.512.229.364
	<hr/>	<hr/>

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	78.168.447.643	56.397.981.744
Dự phòng thiếu trong những năm trước	554.460.345	13.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	78.722.907.988	69.397.981.744
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Hoàn nhập và phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	(36.542.983)	12.774.879.053
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	78.686.365.005	82.172.860.797
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	391.113.238.461	346.630.607.631
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	78.222.647.692	69.326.121.526
Dự phòng thiếu những năm trước	554.460.345	13.000.000.000
Thu nhập không bị tính thuế	(90.743.032)	(153.260.729)
	78.686.365.005	82.172.860.797

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Công ty mẹ		
Mirae Asset Securities (HK) Limited		
Trả phí bảo lãnh cho các khoản đi vay	-	77.477.397.377
Cổ tức phát sinh trong kỳ	39.725.000.000	39.725.000.000
Cổ tức đã trả	94.251.643.836	-
Lương và thù lao của Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát		
Lương, thưởng và phụ cấp khác	1.666.394.000	2.755.484.333

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

30. Các cam kết

(a) Cam kết thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Dưới một năm	61.827.722.224	48.194.314.070
Từ một đến năm năm	58.469.116.249	35.737.267.519
	120.296.838.473	83.931.581.589

(b) Cam kết theo hợp đồng kỳ hạn tiền tệ

Tại ngày báo cáo, Công ty có các khoản cam kết theo hợp đồng kỳ hạn tiền tệ để phòng ngừa rủi ro tỷ giá như sau:

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Cam kết giao dịch kỳ hạn tiền tệ	8.903.785.600.000	8.757.305.000.000

(c) Hợp đồng tương lai

Vị thế mở đối với các hợp đồng tương lai tại ngày báo cáo như sau:

Tại ngày 30/6/2024						
Mã hợp đồng	Ngày giao dịch đầu tiên	Ngày giao dịch cuối cùng	Khối lượng mở	Giá thanh toán cuối ngày	Hệ số nhân	Vị thế mở VND
VN30F2407	17/5/2024	18/7/2024	603	1.274,3	100	76.840.290.000

Tại ngày 31/12/2023						
Mã hợp đồng	Ngày giao dịch đầu tiên	Ngày giao dịch cuối cùng	Khối lượng mở	Giá thanh toán cuối ngày	Hệ số nhân	Vị thế mở VND
VN30F2401	17/11/2023	18/01/2024	800	1.134,6	100	90.868.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

31. Các yếu tố mùa vụ hoặc chu kỳ

Kết quả hoạt động của Công ty không chịu ảnh hưởng bởi yếu tố mùa vụ hoặc chu kỳ.

32. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có các thay đổi trọng yếu trong ước tính kế toán của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 so với ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất hay báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ gần nhất.

33. Các khoản mục bất thường

Không có các khoản mục bất thường trọng yếu nào trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

34. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có sự thay đổi nào trong cơ cấu của Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024

Người lập:

Người soát xét:

Người duyệt:


Bà Cao Thị Bảo Lê
Kế toán trưởng


Ông Huh Hong Suk
Giám đốc Tài chính




Ông Kang Moon Kyung
Tổng Giám đốc

